

CÔNG TY TNHH CQA GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CQA GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CQA GROUP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109001107

3. Ngày thành lập: 25/11/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 44A Tràng Thi, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	In ấn	1811
2.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
3.	Sao chép bản ghi các loại	1820
4.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
5.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
6.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
7.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
8.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
9.	Sản xuất đồng hồ	2652
10.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
11.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
12.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
13.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
14.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
15.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
16.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
17.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
18.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
19.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
20.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
21.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811

22.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
23.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
24.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
25.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
26.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
27.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
28.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
29.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
30.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
31.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
32.	Sản xuất máy luyện kim	2823
33.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
34.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
35.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
36.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
37.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
38.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
39.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
40.	Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan	3030
41.	Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội	3040
42.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
43.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
44.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
45.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
46.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
47.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
48.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
49.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
50.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
51.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
52.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
53.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
54.	Sản xuất điện	3511
55.	Truyền tải và phân phối điện	3512
56.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520

57.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
58.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
59.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
60.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
61.	Thu gom rác thải độc hại	3812
62.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
63.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
64.	Tái chế phế liệu	3830
65.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
66.	Xuất bản phần mềm	5820
67.	Lập trình máy vi tính	6201
68.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
69.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
70.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
71.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
72.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212(Chính)
73.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
74.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
75.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
76.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
77.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
78.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
79.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
80.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
81.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
82.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
83.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
84.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
85.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
86.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
87.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
88.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
89.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

90.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
91.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
92.	Bán buôn tổng hợp	4690
93.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
94.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
95.	Quảng cáo	7310
96.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
97.	Xây dựng nhà để ở	4101
98.	Xây dựng nhà không để ở	4102
99.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
100.	Xây dựng công trình điện	4221
101.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
102.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
103.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
104.	Xây dựng công trình thủy	4291
105.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
106.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
107.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
108.	Phá dỡ	4311
109.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
110.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
111.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
112.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
113.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
114.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
115.	Cơ sở lưu trú khác chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên	5590
116.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
117.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
118.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
119.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
Số giấy chứng thực cá nhân: _____
Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC SỸ Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Giám đốc*
Sinh ngày: *20/02/1967* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *001067003415*
Ngày cấp: *04/08/2015* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 44A Tràng Thi, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Số 44A Tràng Thi, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội